TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Vô ngã và tư tưởng xả ly trong kinh Đại Thiện Kiến Vương

ISSN: 2734-9195 08:46 22/05/2026

Việc thấu suốt giáo lý vô ngã qua bài kinh này giúp chúng ta phá vỡ ngã chấp sai lầm, biết sống xả ly, vị tha, đồng thời thiết lập đời sống an nhiên, tự tại giữa một thế giới đầy biến động, vô thường.

Tóm tắt

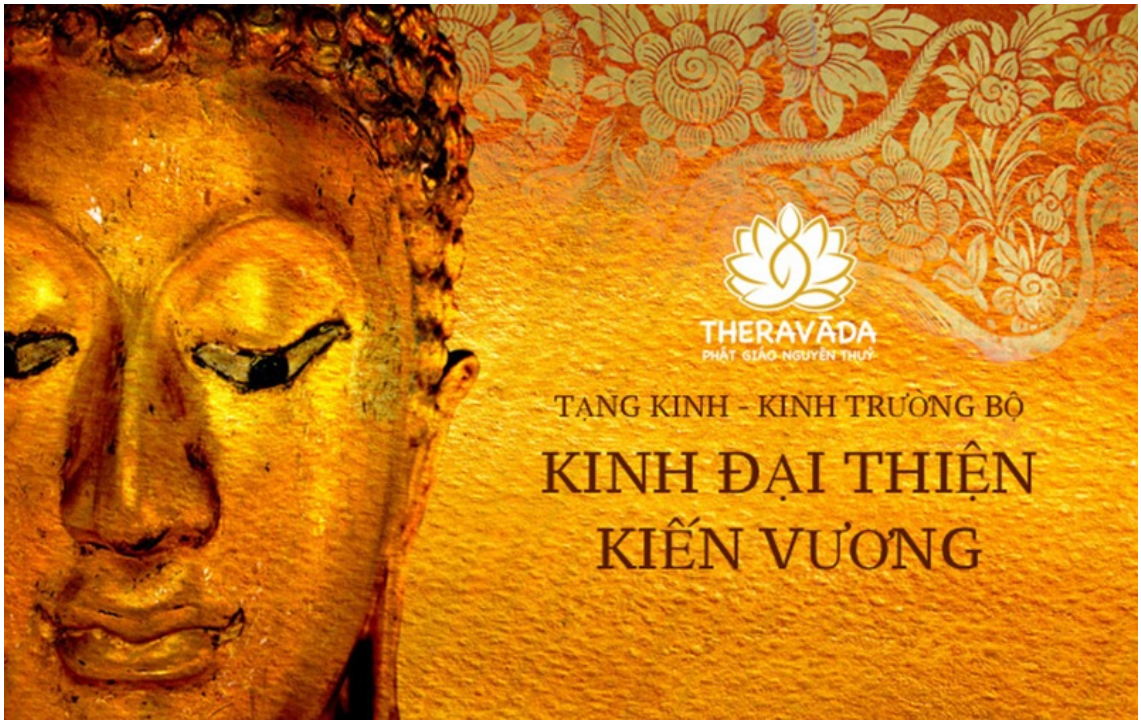
Bài viết tập trung làm sáng tỏ **giáo lý** vô ngã (*anattā*) thông qua việc phân tích cấu trúc nội dung chính của *Kinh Đại Thiện Kiến Vương* (Trường Bộ Kinh, kinh số 17). Khác với các bản kinh luận giải lý thuyết trừu tượng, Kinh số 17 đặt định cái ngã lên đỉnh cao tuyệt đối của vinh quang thế gian, quyền lực tối cao và dục lạc vô biên, để rồi dùng quy luật vô thường và duyên sinh nhằm thấy rõ tận gốc ảo tưởng về một bản ngã thường hằng. Bằng phương pháp phân tích văn bản học kết hợp liên hệ thực tiễn, nghiên cứu triển khai qua bốn luận cứ là (1) Tính duyên sinh của phước báu và quyền lực, (2) Tính sự hưởng thụ có giới hạn, (3) Tính xả ly trong hành vi, (4) Tính vô thường của vạn pháp. Từ đó, bài viết rút ra bốn ý nghĩa triết học, đóng góp một góc nhìn sáng suốt cho hành trình chuyển hóa nhận thức và chế ngự ngã chấp trong cả đời sống tu tập lẫn bối cảnh xã hội đương đại.

Từ khóa: Đại Thiện Kiến Vương, vô ngã, xả ly, duyên sinh, vô thường, phước báu.

I. Mở đầu

Trong hệ thống giáo lý cốt lõi của **Phật giáo Nguyên thủy**, vô ngã (*anattā*) là một trong ba đặc tính của thực tại được khẳng định thông qua Tam Pháp Ấn. Việc thấu hiểu tính vô ngã không chỉ là chìa khóa mở cánh cửa giải thoát, mà còn là nền tảng cốt lõi giúp phá vỡ những lầm tưởng kinh niên về một cái “tôi” độc lập và bất biến.

Ngã chấp của con người thường bám rễ sâu dày nhất khi gắn liền với các đối tượng sở hữu, quyền lực chính trị và sự hưởng thụ vật chất thế gian.



(Ảnh: Internet)

Để hóa giải căn bệnh trầm kha này, đức Phật không chỉ sử dụng các phương pháp phân tích ngũ uẩn hay thập nhị nhân duyên mang tính vi mô, mà Ngài còn dùng những bức tranh vĩ mô mang tính lịch sử nhằm phơi bày bản chất của hiện sinh. *Kinh Đại Thiện Kiến Vương* chính là một minh chứng điển hình cho phương pháp giáo hóa tiệm tiến và tối thắng đó. Qua việc tái hiện cuộc đời, sự thịnh vượng tột đỉnh và sự ra đi bình thản của vua Đại Thiện Kiến Vương. Đồng thời, bài kinh làm sáng tỏ tính vô ngã bằng cách đưa cái ngã lên đỉnh cao vinh quang lớn lao nhất của lịch sử để rồi dùng quy luật vô thường hữu vi để hóa giải nó.

Nghiên cứu này sẽ hệ thống hóa giáo lý vô ngã trong bài kinh qua các luận cứ mạch lạc, đồng thời kết nối lý thuyết ấy với các bài học thực tiễn trong Phật pháp và đời sống đời thường.

II. Nội dung

1. Khái niệm về vô ngã và xả ly

Khái niệm về vô ngã: Theo từ điển Kim Cương Thừa và Tây Tạng Học : "*Vô ngã (S: anātman; P: anattā): Khái niệm trọng yếu trong triết lý Phật giáo, đại diện cho sự phủ nhận một bản ngã bất biến và vĩnh cửu trong mọi hiện tượng và con người*" [2].

Hàm ý: Vô ngã là giáo lý phủ nhận sự tồn tại của một cái "tôi" cố định và độc lập. Theo Phật giáo, con người chỉ là sự kết hợp duyên sinh của năm uẩn, vì vô minh nên con người chấp thân tâm này là "tôi", từ đó phát sinh tham ái và khổ đau.

Khái niệm về xả ly: Từ điển Phật học: "*Xả 捨; S: upekṣā; P: upekkhā; Là xả bỏ, một trong những đức hạnh quan trọng trong đạo Phật. Xả có nội dung: 1. Tình trạng không vui không buồn, độc lập với vui buồn; 2. Tâm thức vững chắc, nằm ngoài mọi phân biệt*" [3].

Hàm ý: Là một thuật ngữ trong Phật giáo chỉ sự buông bỏ, không dính mắc vào vật chất, cảm xúc hay các ham muốn dục lạc.

2. Vô ngã và tư tưởng xả ly trong kinh Đại Thiện Kiên Vương

2.1 Tính duyên sinh của phước báu và quyền lực

Tính chất vô ngã đầu tiên trong bài kinh được thể hiện rõ nét qua việc nhận diện tính duyên sinh của phước báu và quyền lực, thay vì ngộ nhận coi đó là tài sản mang tính tự thân hay quyền lực sở hữu vĩnh viễn của riêng một cái "tôi" cá nhân độc lập.

Kinh Đại Thiện Kiến Vương: "*Này Ānanda, vua Đại Thiện Kiến, có đủ bảy món báu... Thế nào là bảy? Này Ānanda như vậy là sự xuất hiện* ***xe báu*** *của vua Đại Thiện Kiến..,* ***voi báu****...,* ***ngựa báu****...,* ***châu báu****...,* ***nữ báu****...,* ***gia chủ báu****...,* ***tướng quân báu*** *của vua Đại Thiện Kiến. Này Ānanda vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ bảy báu như vậy*" [4].

Sự hùng mạnh của kinh thành Kusāvati và bảy món báu của vua Đại Thiện Kiến không phải là những thực thể tự thân. Chúng là kết quả của các thiện nghiệp (phước đức) tích lũy qua nhiều kiếp. Khi phước đức (điều kiện) còn, vương quyền còn. Khi phước đức hết, vương quyền tan rã. Điều này chứng minh rằng vinh hoa không thuộc về bản chất của một cá nhân nào mà chỉ là sự vận hành của luật nhân quả.

Vương quyền tối thượng của vua Đại Thiện Kiến hoàn toàn phụ thuộc vào các điều kiện duyên khởi bên ngoài và thiện nghiệp bên trong. Điểm cốt lõi nằm ở chỗ đức vua trị nước bằng chánh pháp. Dẫn chứng kinh: "*Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi! Vua Đại Thiện Kiến nói rằng: Không được sát sinh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được*

uống rượu. Hãy ăn uống cho thích nghi" [5]. Việc y chỉ hoàn toàn vào Pháp thay vì áp đặt ý chí chủ quan hay cái "tôi" cá nhân quyền lực cho thấy bước đi đầu tiên vô cùng vững chắc của sự buông bỏ *ngã chấp* trong nghệ thuật trị vì quốc gia. Vinh hoa phú quý chỉ là những dòng chảy biến dịch liên tục của nhân quả, không có một cái tôi nào đứng sau làm chủ thể hay sở hữu chân thực.

Liên hệ thực tiễn pháp hành, như một vị tỳ kheo có năng lực thuyết pháp, nhận được sự cúng dường và sự kính trọng từ đại chúng. Nếu thấu hiểu giáo lý vô ngã, sẽ nhận thức rõ ràng rằng sự kính trọng và tài bảo đó không thuộc về cái "tôi", mà là kết quả duyên sinh từ phước báu tu học, giới đức tích lũy. Khi phước báu ấy cạn kiệt, mọi danh tiếng và lợi dưỡng cũng lập tức tiêu tán như bọt nước. Nhận thức này giúp tránh xa bẫy "*ngã mạn*".

Trong bối cảnh thực tế, một tập đoàn công nghệ hùng mạnh nhờ nhân sự giỏi, công nghệ đi đầu, tài chánh dồi dào và thị trường đón nhận. Nếu ban lãnh đạo ngạo mạn, cho rằng thành công là do mình "cái tôi", thì sẽ thất bại khi các điều kiện khách quan thay đổi.

2.2. Tính hưởng thụ có giới hạn

Luận cứ thứ hai tiến hành bóc tách một cách triệt để ảo tưởng về khả năng hưởng thụ vô biên của bản ngã trước thế giới vật chất và các con số danh vị.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Kinh Đại Thiện Kiến Vương: "*Này Ānanda, vua Đại Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn kinh thành..., Tám vạn bốn ngàn lâu đài..., Tám vạn bốn ngàn sàng tọa, bằng vàng..., Tám vạn bốn ngàn con voi..., Tám vạn bốn ngàn con ngựa...,*

Tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa (Thālipāka), buổi sáng buổi chiều có cúng dường cơm" [6].

Một cái "tôi" có thể sở hữu 84 ngàn lâu đài và hàng vạn đồ vật khác, nhưng khả năng hưởng thụ của thân xác lại có giới hạn tuyệt đối. Như trong kinh viết: "*Này Ānanda, trong tám vạn bốn ngàn lâu đài ấy, chỉ có một lâu đài mà Ta ở thời ấy, đó là lâu đài Dhamma*" [7]. Chỉ có thể ở một phòng, ngồi một xe, dùng một loại thức ăn tại một thời điểm. Mọi con số to lớn bên ngoài đều không thể được tiêu dùng bởi một cá nhân nhỏ bé. Sự dư thừa này chứng minh rằng sự bám chấp vào quyền lực và vật chất là một ảo giác của tâm thức muốn cũng cố cái "tôi".

Sự mâu thuẫn giữa lòng tham muốn vô hạn của bản ngã và giới hạn sinh học, vật lý hữu hạn của thân xác đã phơi bày tính phi lý của việc ham muốn danh lợi. Trọng tâm ở đây chính là nhận diện sự hữu hạn của hưởng thụ. Việc một cá nhân tích lũy thật nhiều của cải thực chất chỉ để thỏa mãn cảm giác sở hữu ảo mộng của **tâm thức**, chứ bản thân cái ngã nhỏ bé kia không bao giờ có thể tiêu dùng hết những giá trị vật chất dư thừa đó tại cùng một thời điểm.

Xét phương diện tu hành, trong đời sống xuất gia, giới luật của đức Phật quy định người tu sĩ chỉ sở hữu ba y và một bình bát, ăn ngày một bữa. Việc giới hạn vật chất ở mức tối giản này giúp nhận diện rõ nhu cầu thực sự của bản thân rất ít ỏi, trong khi nhu cầu của "bản ngã" giả tạo thì lại vô hạn. Như đức Phật đã dạy: "*Thiểu dục tri túc*" là một hạnh tu của người con Phật cần phải liễu tri.

Hay trong thực tế, một đại gia sở hữu các biệt thự sang trọng, siêu xe và tài khoản ngân hàng có nhiều tiền. Dẫu vậy, khi ngủ nghỉ cũng chỉ trên một chiếc giường rộng vài mét vuông và khi dùng bữa thì khả năng chứa một lượng thức ăn trong dạ dày cũng bị giới hạn như bao người khác. Sự tích lũy quá mức không làm tăng giá trị thực tại của hiện sinh, mà trái lại chỉ làm tăng thêm gánh nặng lo âu và căng thẳng cho cái "tôi" ảo tưởng.

2.3. Tính xả ly trong hành vi

Ở luận cứ này, tính chất vô ngã được nâng lên một tầm cao mới thông qua hành động thực tiễn là khả năng tự chủ và tách rời hoàn toàn khỏi sự luyến ái vị kỷ trước những cám dỗ trần gian.

Kinh Đại Thiện Kiến Vương: "*Này Ānanda, vua Đại Thiện Kiến..., ngồi trên sàng tọa bằng vàng, ly dục, ly ác pháp, chứng và an trú trong thiền thứ nhất,... chứng và an trú trong thiền thứ hai,... Rồi ly hỷ trú xả,... chứng và an trú vào thiền thứ ba. Rồi xả lạc xả khổ,... chứng và an trú vào thiền thứ tư không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh*" [8].

Thay vì chìm đắm trong dục lạc, vua Đại Thiện Kiến chọn tu tập bốn tầng thiền và quán chiếu lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đặc biệt, trạng thái "Xả" là phương pháp quán chiếu khi hành thiền giúp nhận ra sự vô ngã trong các pháp. Cho nên, vua yêu cầu Hoàng hậu Subhaddā đừng khuyên Ngài ham sống, mà hãy khuyên Ngài buông bỏ luyến ái, đó là lúc cái "tôi" khao khát tồn tại bị tan biến được thể hiện qua đoạn trong kinh: "*Tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi, không có thực thể, chịu sự biến hóa*" [9].

Mấu chốt của luận điểm này nằm ở sự bình thản tuyệt đối trước cái chết của đức vua. Trạng thái tâm lý này chứng minh một sự thật tối hậu, khi tâm thức không còn bám víu vào các đối tượng thế gian, cái "ngã" luyến ái đầy đau khổ sẽ tự động tan biến, nhường chỗ cho sự thanh tịnh của tâm thức. Vô ngã ở đây không còn là một khái niệm lý thuyết suông mà đã trở thành pháp tu thực chứng, thể hiện qua việc xả ly ngay vào thời khắc vua sắp mệnh chung.

Trong Phật pháp, khi thực hành thiền định Tứ Niệm Xứ phải đối diện với các trạng thái đau đớn dữ dội trên thân xác (thọ uẩn). Thay vì khởi tâm sân hận vì nghĩ "tôi đang đau" thì chỉ quan sát cái đau như một hiện tượng sinh lý sinh diệt tự nhiên. Nhờ đó, tâm nhận biết không phải tôi đau, nên ngã chấp dần biến mất nên khổ thọ dần tan rã.

Trong thực tế, cha mẹ nuôi dạy con cái trưởng thành, thành đạt. Khi con cái lập gia đình và có cuộc sống riêng độc lập, cha mẹ có suy nghĩ thoáng hơn là tôn trọng cuộc sống riêng của con mà không tìm cách can thiệp, kiểm soát hay đòi hỏi con cái phải làm theo ý mình. Sự buông bỏ luyến ái, vị kỷ này giúp gia đình hạnh phúc và bản thân người lớn tuổi có được sự an yên, tự tại đích thực.

2.4. Tính vô thường của vạn pháp

Luận cứ cuối cùng mang tính kết luận logic tối hậu về sự tan rã tất yếu và không thể đảo ngược của mọi cấu trúc bản ngã trên thế gian này.

Kinh Đại Thiện Kiến Vương: Đức Phật khẳng định: "*Này Ānanda, tất cả các pháp hữu vi ấy nay đã vào quá khứ, hoại diệt và biến hóa. Này Ānanda, các pháp hữu vi, vô thường là như vậy, không kiên cố là như vậy, không đáng tin tưởng là như vậy*" [10]. Dù là một vị Chuyển Luân Thánh Vương vĩ đại bậc nhất lịch sử, thân xác và kinh đô đó cuối cùng cũng chỉ còn là tro bụi và quá khứ. Việc Đức Phật nhắc lại tiền thân của mình là để chỉ ra rằng là ngay cả những cái "tôi" rực rỡ nhất trong thế gian này cũng không thể thoát khỏi quy luật sinh diệt của các pháp.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Bản chất cấu thành luận cứ này là định nghĩa chân thực về vô ngã chính là sự chấp nhận một sự thật rằng hoàn toàn không có bất cứ một thực thể nào là hằng cửu hay bất biến. Con người thường lầm tưởng **giải thoát** là làm cho cái tôi trở nên trường sinh bất tử. Tuy nhiên, đạo Phật chỉ ra giải thoát không nằm ở việc duy trì sự tồn tại của cái tôi, mà nằm ở việc chủ động chế ngự và chấm dứt tận gốc sự sinh khởi của các ngã chấp sai lầm trong tâm thức.

Về phương diện tu thiền, quán vô thường về một thân xác từng rất đẹp đẽ, oai quyền, rồi thân xác này sẽ chôn dưới ngôi mộ hay đống tro tàn sau khi hỏa táng theo quy luật sanh tử, thì sự ảo tưởng về một tấm thân thường hằng tan biến. Từ đó, đoạn trừ được lòng tham ái đối với thân uẩn, thấu đạt sâu sắc bản chất vô thường, vô ngã.

Hay nhìn nhận về các công trình kiến trúc thực tế của nhân loại (như các kỳ quan cổ đại). Dù có kiên cố và rực rỡ đến đâu, trải qua hàng ngàn năm, tất cả đều bị bào mòn và trở thành phế tích. Một con người dẫu có quyền lực tối cao cũng phải đầu hàng trước quy luật sinh, lão, bệnh, tử. Việc chấp nhận quy luật sinh tử này giúp chúng ta sống cống hiến, bao dung và nhẹ nhàng hơn, không còn tham luyến giành giật mù quáng.

3. Ý nghĩa triết học

Dựa trên nền tảng của 4 luận cứ được bóc tách từ văn bản kinh luận, bài kinh mang lại bốn ý nghĩa triết học sâu sắc như sau:

3.1. Phá vỡ ảo tưởng về sở hữu

Triết học của bài kinh chỉ ra rằng mọi biểu hiện của quyền lực và tài sản (bảy món báu, hàng vạn lâu đài) thực chất không mang tính tự tánh hay thuộc quyền sở hữu cố định của bất kỳ một cá nhân nào. Chúng chỉ là sự tụ hội tạm thời của các nhân duyên phước báu hữu vi. Ý nghĩa này phá tan tư tưởng cực đoan hoặc chủ nghĩa vị kỷ, khẳng định bản chất duyên sinh phụ thuộc của mọi giá trị thế gian.

3.2. Nhận diện lòng tham vô hạn

Bài kinh thiết lập một viễn cảnh triết học sắc bén khi đặt ham muốn vô hạn của cái "tôi" bên cạnh năng lực thụ hưởng giới hạn của thân xác hữu hạn. Sự bất tương xứng này cho thấy xu hướng tích trữ, phát triển danh lợi, thực chất là một chứng bệnh hoang tưởng của tâm thức *ngã chấp*. Con người không khổ vì thiếu thốn vật chất thực tế, mà khổ vì ảo tưởng muốn đồng hóa vật chất thành cái "của tôi".

3.3. Sự xả ly đến tiến đến vô ngã

Ý nghĩa triết học cốt lõi trong hành vi của vua Đại Thiện Kiến chứng minh rằng đỉnh cao của tự do không phải là năng lực thao túng hay làm chủ người khác, mà là khả năng làm chủ chính tâm thức mình. Việc chuyển hóa từ luyến ái vị kỷ sang trạng thái Từ, Bi, Hỷ, Xả và sẵn sàng xả ly mạng sống một cách thanh thản khẳng định giải thoát đồng nghĩa với việc triệt tiêu cái "tôi" khao khát tồn tại ích kỷ.

3.4. Chấp nhận sự thật vô thường

Luận điểm kết luận của đức Phật về tính vô thường của pháp hữu vi đưa đến một nhận thức bản thể luận sâu sắc là không có một cái "ngã" mang tính siêu vượt hay bất tử trốn thoát được dòng chảy của thời gian. Bản ngã chỉ là một cấu trúc danh sắc giả lập. Do đó, cứu cánh tối hậu không phải là xây dựng một cái tôi vĩ đại trong luân hồi, mà là chấm dứt sự vận hành của ngã chấp để đạt đến Niết-bàn tịch tịnh.

III. Kết luận

Thông qua *Kinh Đại Thiện Kiến Vương*, giáo lý vô ngã của đức Phật đã được chuyển tải một cách vô cùng sống động, đầy thuyết phục bằng phương pháp tương phản đặc biệt. Bài kinh không chọn cách tiếp cận từ sự nghèo khổ, thiếu thốn để khuyên người ta buông bỏ, mà ngược lại, đã đưa cái "ngã" lên nấc

thang cao nhất của danh vọng, quyền lực, của cải vật chất bao la để rồi dùng quy luật vô thường khách quan để giải phẫu nó.

Mặt khác, ý nghĩa tối hậu mà bài kinh gửi gắm vô cùng hiển nhiên là ngay cả khi một cá nhân có khả năng sở hữu và chi phối cả thế giới, con người ấy vẫn hoàn toàn là vô ngã, bởi lẽ họ không thể nắm giữ hay mang theo bất cứ điều gì khi các duyên của thế gian đi đến sự tan rã. Việc thấu suốt giáo lý vô ngã qua bài kinh này giúp chúng ta phá vỡ ngã chấp sai lầm, biết sống xả ly, vị tha, đồng thời thiết lập một đời sống an nhiên, tự tại giữa một thế giới đầy biến động, vô thường.

Tác giả: **Thiện Thanh** [1]

Tài liệu tham khảo:

1] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2020.

2] Chân Nguyên (Chủ biên), *Từ điển Phật học*, (Bản điện tử), 2001.

3] Thích Nhật Từ, *Từ điển Kim Cương Thừa và Tây Tạng Học*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội, 2025.

Chú thích:

[1] NCS.Trần Quốc Hưng (***PT.Thiện Thanh***)-Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Thích Nhật Từ, *Từ điển Kim Cương Thừa và Tây Tạng Học*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2025, Tr.832

[3] Chân Nguyên (chủ biên), *Từ điển Phật học*, Bản điện tử, 2001, Tr.549.

[4] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2020, Tr.310-313 (đoạn 244-251).

[5] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2020, Tr.311 (đoạn 244).

[6] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2020, Tr.318 (đoạn 263).

[7] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2020, Tr.325 (đoạn 271).

[8] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hổng Đức, 2020, Tr.318 (đoạn 261).

[9] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hổng Đức, 2020, Tr.321 (đoạn 267).

[10] Thích Minh Châu (Dịch giả), *Kinh Đại Thiện Kiến Vương (DN17) thuộc Trường Bộ Kinh*, Nhà xuất bản Hổng Đức, 2020, Tr.326 (đoạn 272).